

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Đăng Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 64/2017/KDTM-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 30/3/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D; Trụ sở: Tòa nhà C, số 109 phố T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Số 139 đường C, xã U, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T, chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ Phó giám đốc (Theo giấy ủy quyền số 09/2017/UQ-TGD ngày 16/02/2017); Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 – Phó giám đốc - Phòng Giao dịch Trung tâm - Phòng Giao dịch Đ và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1993 - Nhân viên kinh doanh (Theo giấy ủy quyền số 2308D/2017/UQ-GDPĐA ngày 23/08/2017 và Giấy ủy quyền số 2604/2018/UQ-GDPĐA ngày 26/4/2018).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1959 và Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959; Điều đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1992;
2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993
3. Cháu Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 2012
4. Cháu Nguyễn Bảo N, sinh năm 2014

Anh Nguyễn Thành T và chị Nguyễn Thị H là người đại diện theo pháp luật của các cháu Q và N.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt bà H, bà T và ông Q; bà Đ, anh T có đơn xin vắng mặt; vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về hợp đồng tín dụng: Ngày 20 tháng 01 năm 2015, Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D với ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ ký kết hợp đồng tín dụng số 0025/2015/TLD/HĐTD theo đó Ngân hàng cho ông Q, bà Đ vay số tiền: 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng); thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày bên vay rút tiền vay lần đầu tiên theo hợp đồng tín dụng này; mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất vay: áp dụng 11%/năm cho tháng đầu tiên; Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ theo quy định của ngân hàng D tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh và được xác định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D đã giải ngân cho vợ chồng ông Q, bà Đ số tiền 500.000.000đồng thể hiện bằng Khế ước nhận nợ số 0025/2015/TLD/KUNN01 ngày 20/01/2015.

Về quan hệ thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, Vợ chồng ông Q, bà Đ đã thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG103507 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 15/12/2011, số vào sổ cấp GCN: 5163.QĐ-UBND.2011/CH.00751.2011 đứng tên ông Nguyễn Văn Q là chủ sử dụng đất thửa số 3 (1) tờ bản đồ số 11, diện tích 77,8m² tại Thôn T, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Hợp đồng thế chấp giữa hai bên đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Hà Anh. Số công chứng: 1218/2013/HĐTC ngày 18/09/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà và đất huyện Đ.

Tạm tính đến ngày 26/4/2018, vợ chồng ông Q bà Đ còn nợ Ngân hàng số tiền là: nợ gốc là: 500.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 19.903.421đồng; nợ lãi quá hạn: 189.810.379 đồng; Tổng cộng: 717.420.668đồng. Nay quan điểm của Ngân hàng yêu cầu buộc vợ chồng ông Q, bà Đ phải trả nợ cho Ngân hàng khoản vay trên cả gốc lẫn lãi.

Trong trường hợp vợ chồng ông Q, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG103507 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 15/12/2011, sổ vào sổ cấp GCN: 5163.QĐ-UBND.2011/CH.00751.2011 đứng tên ông Nguyễn Văn Q là chủ sử dụng đất thửa số 3 (1) tờ bản đồ số 11, diện tích 77,8m² tại Thôn T, xã V, huyện Đ, TP. Hà Nội.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Ông bà nhất trí với Ngân hàng trình bày về quá trình ký kết thực hiện hợp đồng tín dụng số 0025/2015/TLD/HĐTD ngày 20/01/2015 và Hợp đồng thế chấp Số công chứng: 1218/2013/HĐTC ngày 18/09/2013 tại Văn phòng công chứng Hà Anh. Ông bà xác định, vợ chồng còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 11/01/2018 là: nợ gốc là: 500.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 19.903.421đồng; nợ lãi quá hạn: 172.496.894đồng; Tổng cộng: 692.400.315đồng. Ông bà đề nghị phía Ngân hàng tạo điều kiện để gia đình ông bà thu xếp trả dần cho Ngân hàng.

Trong trường hợp ông bà không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì chấp nhận để Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản đảm bảo là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG103507 do UBND huyện Đông Anh cấp ngày 15/12/2011, sổ vào sổ cấp GCN: 5163.QĐ-UBND.2011/CH.00751.2011 đứng tên Nguyễn Văn Q là chủ sử dụng thửa đất số 3 (1) tờ bản đồ số 11, diện tích 77,8m² tại Thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh xác nhận bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ có vay tiền tại Ngân hàng D với số tiền vay là 500.000.000đồng. Việc vay nợ này là do bố mẹ anh đứng tên vay và trực tiếp làm việc với ngân hàng, vợ chồng anh không liên quan. Hiện nay những người đang sinh sống tại nhà đất mà bố mẹ anh thế chấp tại ngân hàng gồm có bố mẹ anh, vợ chồng và hai con anh. Nay ngân hàng khởi kiện đòi nợ đối với bố mẹ anh thì anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc bận không thể đến toà làm việc được, do vậy anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và uỷ quyền cho bố anh là ông Nguyễn Văn Q quyết định mọi vấn đề.

Chị Nguyễn Thị H là vợ anh Nguyễn Thành T hiện nay đang sinh sống trên nhà đất đang thế chấp tại ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt. Do vậy Toà án không tiến hành lấy lời khai được. Các văn bản tố tụng đều được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà ông Nguyễn Văn Q xác nhận các khoản nợ gốc và lãi như phía nguyên đơn trình bày là đúng ông không có ý kiến thắc mắc gì. Ông Q đề nghị phía

ngân hàng tạo điều kiện cho ông được trả nợ dần trong thời hạn 02 năm. Nguyên đơn không nhất trí với với phương án trả nợ như ông Q đưa ra tại phiên toà ngày hôm nay và đề nghị Toà án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà là đã tuân theo pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H chưa chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 30/3/2018 Toà án nhân dân huyện Đông Anh ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ấn định phiên toà được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 17/4/2018. Quyết định đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà sơ thẩm ngày 17/4/2018 có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt bị đơn là ông Nguyễn Văn Q; Bà Đ là bị đơn và anh Nguyễn Thành T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quyết định hoãn phiên toà và ấn định phiên toà tiếp theo mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 26/4/2018. Quyết định hoãn phiên toà đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà ngày 26/4/2018 có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt bị đơn là ông Nguyễn Văn Q; Bà Đ là bị đơn và anh Nguyễn Thành T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là bà Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng cho vay nhằm mục đích kinh doanh; Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc đòi tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp Huyện theo quy định tại Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Toà án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với hợp đồng tín dụng xét thấy: Ngày 20/01/2015 ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ có ký Hợp đồng tín dụng với, Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D với số tiền vay là: 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn). Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa

nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền gốc tính đến ngày 26/4/2018 là có căn cứ nên được chấp nhận cụ thể như sau: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn nợ tính đến ngày 26/4/2018 là: 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn). Về tiền lãi: Xét việc thoả thuận về tính lãi trong hạn và tính lãi quá hạn của các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn như phía Ngân hàng đã giải trình là đúng với quy định của pháp luật cụ thể như sau: Từ ngày 20/01/2015 đến ngày 19/01/2016 bị đơn chỉ mới chỉ trả cho Ngân hàng được 35.860.468 đồng tiền lãi trong hạn. Từ đó cho đến nay bị đơn chưa trả cho Ngân hàng tiền gốc và lãi, do vậy khoản nợ của bị đơn chuyển sang nợ quá hạn. Từ ngày 20/01/2016 đến nay lãi suất trong hạn vẫn giữ nguyên là 11%/năm. Mức lãi suất quá hạn mà ngân hàng D áp dụng kể từ ngày 20/01/2016 đến nay là 16,5%/năm, không vượt quá mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy mức lãi suất nợ quá hạn của ngân hàng D áp dụng đối với khoản nợ gốc của từng kỳ trả nợ là không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Từ ngày 01/11/2015 đến nay bị đơn không trả bất kỳ một khoản nợ nào cho ngân hàng D nên số tiền còn nợ tính đến ngày 26/4/2018 cụ thể như sau: Nợ gốc là : 500.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là: 19.903.421đồng; nợ lãi quá hạn là: 189.810.379 đồng; Tổng cộng: 717.420.668đồng. Đây là Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn. Hợp đồng chỉ được kết thúc khi bên vay thực hiện xong các nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo thỏa thuận. Do vậy yêu cầu của ngân hàng D buộc bị đơn phải trả các khoản nợ nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận. Do vậy cần buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D các khoản tiền nợ của Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 26/4/2018 là: 717.420.668đồng (Bảy trăm mười bảy nghìn, bốn trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tám) đồng.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn xét thấy: Ngày 18/9/2013 ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị Đ và Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 77,8m² tại thửa đất số 3(1); tờ bản đồ số 11 tại thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn Q. Toàn bộ các tài sản gắn liền với đất. Tài sản bảo đảm này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 20/9/2013. Xét thấy việc ký kết hợp đồng thế chấp đã được công chứng và việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Đ. Hợp đồng thế chấp được ký kết hoàn toàn tự nguyện và đầy đủ tư cách tham gia giao dịch, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp này là hợp pháp nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bị đơn không trả nợ hoặc không trả đủ nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Cụ thể như sau: $20.000.000 + 4\% (717.420.668đ - 400.000.000đ) = 32.696.800đ$ (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm) đồng . Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm m khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 342; Điều 351; Điều 355; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên D đối với ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Buộc ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D các khoản tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0025/2015/TLD/HĐTD ngày 20/01/2015, tính đến ngày 26/4/2018 là: Nợ gốc là : 500.000.000đồng; Nợ lãi trong hạn là: 19.903.421đồng; Nợ lãi quá hạn là: 189.810.379 đồng; Tổng cộng: 717.420.668đồng (Bảy trăm mười bảy nghìn, bốn trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tám)đồng.

[3] Kể từ ngày 27/4/2018 ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Trường hợp ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ không thanh toán được nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ bao gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 77,8m² và tài sản gắn

liên với đất tại thửa đất số 3(1); tờ bản đồ số 11 Thôn T, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số BG 103507, số vào sổ cấp GCN: 5163.QĐ.UBND.2011/CH.00751.2011 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 15/12/2011 đứng tên ông Nguyễn Văn Q. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1218.2013/HĐTC, quyền số 13 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/9/2013 tại Văn phòng công chứng H, Thành phố Hà Nội.

[5] Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì những người có hộ khẩu và những người không có hộ khẩu nhưng thực tế đang sinh sống trên đất có nghĩa vụ phải thi hành quyết định này.

[6] Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[7] Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu: 32.696.800đ (Ba mươi hai triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền 15.185.000đồng (Mười lăm triệu, một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AB/2015/0000994 ngày 01/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh thành phố Hà Nội.

[8] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm; Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh
- Chi cục Thi hành án H. Đông Anh.
- Các đương sự
- Lưu HS, VP.

Phạm Văn Tiến